

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế khai thác thương mại tài sản trí tuệ  
tại Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM**

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2019;

Căn cứ Nghị định 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 78/2008/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1170/QĐ-ĐHTN ngày 06/6/2018 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định về Sở hữu trí tuệ và Khen thưởng đối với sản phẩm sở hữu trí tuệ, sản phẩm KH&CN được chuyển giao của Đại học Thái Nguyên;  
Xét đề nghị của Trường phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế,

**QUYẾT ĐỊNH:**



**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế khai thác thương mại tài sản trí tuệ tại Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho các văn bản trước đây về khai thác thương mại tài sản trí tuệ của Trường Đại học Nông Lâm.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) Trưởng các phòng chức năng, trưởng các đơn vị trực thuộc Trường và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như điều 3 (đề th/h);
- Lưu: VT, KHCN&HTQT.

  
**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG**  
**ĐẠI HỌC**  
**NÔNG LÂM**  
**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
  
**HIỆU TRƯỞNG**  
PGS.TS. *Trần Văn Điền*

## **QUY CHẾ**

**Khai thác thương mại tài sản trí tuệ**  
**tại Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên**  
*(Kèm theo Quyết định số 988/QĐ-ĐHNL ngày 10 tháng 11 năm 2020*  
*của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm)*

### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về việc xác lập, chuyển giao và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ (SHTT), khai thác và thương mại tài sản trí tuệ (TSTT), phân chia lợi ích do các TSTT mang lại tại Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên (sau đây viết tắt là Trường Đại học Nông Lâm)

##### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Giảng viên, nghiên cứu viên, chuyên viên, nhân viên, người lao động gọi chung là cán bộ, viên chức (CBVC) làm việc tại các đơn vị thuộc Trường Đại học Nông Lâm.
2. Sinh viên, học viên đến làm việc, nghiên cứu, khảo sát, thực tập... tại các đơn vị thuộc Trường Đại học Nông Lâm (gọi chung là người học);
3. Các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước có quan hệ giao kết hợp đồng sản xuất, thương mại hoặc dịch vụ với Trường Đại học Nông Lâm.

##### **Điều 3. Mục đích ban hành quy chế**

Quy chế được ban hành nhằm quy định tạm thời về các vấn đề liên quan đến hoạt động khai thác, thương mại TSTT tại Trường Đại học Nông Lâm theo quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ. Đồng thời, thông qua quy chế này thúc đẩy việc khai thác các TSTT phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

##### **Điều 4. Nguyên tắc khai thác thương mại tài sản trí tuệ**

1. Khai thác thương mại tối đa TSTT của Nhà trường với các điều kiện thuận lợi nhất;
2. Ưu tiên chuyển giao các đồng sở hữu và các bên đã cùng tham gia vào quá trình tạo ra TSTT;
3. Dành một tỷ lệ nhất định của thu nhập từ hoạt động thương mại TSTT để phát triển hoạt động sáng tạo trong trường.

## **Điều 5. Giải thích từ ngữ**

Trong phạm vi của Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Tài sản trí tuệ: quyền sở hữu trí tuệ và các tài sản khác (quyền đối với sáng kiến, giải pháp hợp lý hóa trong giáo dục và đào tạo và các đối tượng khác) phát sinh từ các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ.

2. Các tài sản trí tuệ khác: Bao gồm nhưng không giới hạn các sáng kiến, thông tin, dữ liệu, các quy trình nghiệp vụ,... không phải là đối tượng SHTT.

3. Các đối tượng Sở hữu trí tuệ: Là các đối tượng được định nghĩa tại Điều 5 của Luật SHTT, bao gồm:

a) Đối tượng quyền tác giả bao gồm tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học. Đối tượng quyền liên quan đến quyền tác giả bao gồm cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hoá.

b) Đối tượng quyền sở hữu công nghiệp bao gồm sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, bí mật kinh doanh, nhãn hiệu, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý.

c) Đối tượng quyền đối với giống cây trồng là giống cây trồng, vật liệu nhân giống và vật liệu thu hoạch.

Trong thực tiễn triển khai nghiên cứu, cung ứng dịch vụ và truyền thông của Trường Đại học Nông Lâm, tất cả các đối tượng nêu trên đều có thể phát sinh và trở thành tài sản của Trường Đại học Nông Lâm hoặc giữa Trường Đại học Nông Lâm và các bên có liên quan.

4. Quyền sở hữu trí tuệ: Là tất cả những quyền đã được xác lập theo quy định của Luật SHTT đối với các TSTT, bao gồm: Quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.

5. Chuyển giao TSTT: Là chuyển nhượng quyền SHTT hoặc chuyển quyền sử dụng đối với một TSTT cụ thể.

6. Nhiệm vụ được giao: Là nhiệm vụ được xác định theo chức danh của CBVC và người học trong các quy định liên quan về tổ chức và bộ máy của Trường Đại học Nông Lâm, hoặc xác định trong hợp đồng liên quan tới nhân viên hợp đồng, hoặc theo một mệnh lệnh của cấp trên trực tiếp quản lý giao phó.

7. Nguồn lực của Trường Đại học Nông Lâm: Được hiểu là bao gồm nhưng không giới hạn ở thời gian làm việc tại Trường Đại học Nông Lâm, nguồn lực tài chính của Trường Đại học Nông Lâm hay nguồn tài chính đầu tư thông qua Trường Đại học Nông Lâm, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, nguồn lực thông tin, tư liệu, dữ liệu, dữ kiện của Trường Đại học Nông Lâm.

## Chương II

### QUYỀN SỞ HỮU ĐỐI VỚI TÀI SẢN TRÍ TUỆ

**Điều 6. Trường Đại học Nông Lâm là chủ sở hữu đối với các tài sản trí tuệ sau đây**

1. TSTT được tạo ra bởi CBVC hoặc người học trong quá trình làm việc, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của công việc hoặc nhiệm vụ được giao được quy định chi tiết, trong bản mô tả công việc hay trong hợp đồng lao động.

2. TSTT được tạo ra trong quá trình thực hiện các hợp đồng do Nhà trường và đơn vị trực thuộc đặt hàng hay ký kết với các tổ chức, cá nhân trong hoặc ngoài Trường Đại học Nông Lâm, trừ khi hợp đồng liên quan có quy định khác.

3. TSTT được tạo ra trong quá trình triển khai các hợp đồng ký kết giữa Nhà trường với một hoặc một số đối tác khác, trong đó có quy định các TSTT phát sinh là thuộc về Trường Đại học Nông Lâm.

4. TSTT được tạo ra khi Nhà trường được giao thực hiện các đề tài, dự án KH&CN từ nguồn ngân sách Nhà nước và các cơ quan quản lý chỉ định, phân cấp hoặc chuyển giao cho Nhà trường đứng tên “Cơ quan chủ trì hay chủ quản” trong đề tài hoặc dự án.

5. TSTT được các chủ thể khác chuyển nhượng hoặc tặng cho Trường Đại học Nông Lâm.

**Điều 7. Trường Đại học Nông Lâm là đồng sở hữu đối với các tài sản trí tuệ**

1. Trường Đại học Nông Lâm là đồng sở hữu đối với các TSTT sau đây:

a) Được tạo ra bởi CBVC hoặc người học (theo yêu cầu của công việc) được quy định cụ thể trong hợp đồng lao động, sử dụng nguồn lực của Nhà trường hay đơn vị trực thuộc trong việc tạo ra TSTT.

b) Được tạo ra bởi CBVC hoặc người học không theo nhiệm vụ được giao và không sử dụng nguồn lực của Nhà trường, nhưng TSTT mới tạo ra xuất phát từ một hoặc một số TSTT thuộc sở hữu của Nhà trường mà CBVC hoặc người học đó đã được tiếp cận một cách hợp pháp.

c) Được tạo ra trong quá trình hợp tác nghiên cứu, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh... với các đối tác khác, trừ khi hợp đồng liên quan có quy định khác.

d) Được tạo ra trong quá trình thực hiện các hợp đồng tài trợ. Trong đó, Trường Đại học Nông Lâm là bên tài trợ hoặc bên nhận tài trợ, trừ khi hợp đồng liên quan có quy định khác.

2. Phương thức xác định tỷ lệ sở hữu trong từng trường hợp thuộc Khoản 1, Điều này sẽ do các bên có liên quan quy định cụ thể bằng văn bản hoặc trong hợp đồng giao kết tương ứng, dựa theo tỷ lệ đóng góp của mỗi bên về nhân lực, vật lực, tài lực hoặc thông tin, trên cơ sở hợp tác bền vững và các bên cùng có lợi.

3. Trong trường hợp một đồng chủ sở hữu TSTT với Trường Đại học Nông

Lâm có nhu cầu chuyển nhượng phần quyền sở hữu của mình thì Trường Đại học Nông Lâm và các đồng sở hữu còn lại được quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng theo các điều kiện thương mại hợp lý.

**Điều 8. Trường Đại học Nông Lâm không phải là chủ sở hữu hoặc đồng chủ sở hữu đối với các tài sản trí tuệ**

1. Trường Đại học Nông Lâm không phải là chủ sở hữu hoặc đồng chủ sở hữu đối với các tài sản trí tuệ sau đây:

a) Được tạo ra tại Trường Đại học Nông Lâm bởi CBVC hoặc người học không theo nhiệm vụ được giao, không sử dụng nguồn lực của trường, không xuất phát từ một hoặc một số TSTT hay thông tin mật của trường, nhưng có giá trị ứng dụng vào các mặt hoạt động trường.

b) Được tạo ra tại Trường Đại học Nông Lâm bởi CBVC hoặc người học trong quá trình tham gia các hoạt động của đoàn thể nhằm phục vụ sinh hoạt cộng đồng, không sử dụng nguồn lực và TSTT hay thông tin mật thuộc quyền sở hữu của Trường Đại học Nông Lâm;

c) Được tạo ra trong quá trình triển khai các hợp đồng ký kết giữa Trường Đại học Nông Lâm với một hoặc một số đối tác khác, trong đó có quy định các TSTT phát sinh thuộc quyền sở hữu của bên đối tác.

2. Trường Đại học Nông Lâm có chế độ khen thưởng tương xứng đối với mọi CBVC hoặc nhân viên thời vụ tạo ra các TSTT nêu trên và hướng dẫn, hỗ trợ các tác giả, đồng tác giả trong việc xác lập quyền sở hữu của họ. Nhà trường có thể khuyến khích họ chuyển nhượng lại các TSTT đó cho Nhà trường theo các điều kiện thỏa thuận hợp lý.

**Điều 9. Quyền sở hữu trí tuệ của cán bộ, giảng viên**

1. Các tài sản trí tuệ phát sinh trong quá trình giảng dạy, nghiên cứu của cán bộ, giảng viên:

a) Các tác phẩm: Luận án tiến sĩ, luận văn Thạc sĩ, khóa luận tốt nghiệp đại học; báo cáo kết quả các đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu (được Nhà nước, các Bộ, ngành trung ương, các địa phương, Đại học Thái Nguyên và Trường Đại học Nông Lâm cấp kinh phí thực hiện); báo cáo nghiên cứu khoa học, các bản báo cáo khảo sát thực tiễn cấp trường, cấp đơn vị trực thuộc; kỷ yếu hội nghị, hội thảo (cấp trường, khoa trực thuộc, cấp Đại học Thái Nguyên, cấp quốc gia, quốc tế...); các giáo trình, tài liệu tham khảo; các sách điện tử, giáo trình điện tử, bài giảng điện tử ... do Trường Đại học Nông Lâm xuất bản.

b) Các sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, tên thương mại, giống cây trồng và vật liệu nhân giống...

2. Trường Đại học Nông Lâm là chủ sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc không sở hữu đối với các TSTT nêu trên tùy thuộc vào các điều kiện đặt ra ở Điều 5, 6 và 7.

3. Giảng viên sẽ được hưởng quyền nhân thân đối với TSTT do mình tạo ra.

#### 4. Quyền sở hữu đối với các tác phẩm được quy định cụ thể như sau:

a) Trong trường hợp Trường Đại học Nông Lâm hoặc một số chủ thể khác là đồng chủ sở hữu đối với tác phẩm, các đồng chủ sở hữu sẽ cùng thỏa thuận về cách thức phân định quyền sở hữu đối với từng loại quyền tài sản cũng như việc tiếp nhận và sử dụng quyền công bố tác phẩm tương ứng do tác giả, đồng tác giả liên quan chuyển giao.

b) Trong trường hợp TSTT do CBVC hoặc người học tạo ra là một tác phẩm phái sinh từ các tác phẩm thuộc sở hữu của Trường Đại học Nông Lâm và không thuộc trường hợp không phải xin phép trước chủ sở hữu tác phẩm gốc theo quy định của pháp luật SHTT; các tác giả và đồng tác giả phải thông báo cho Nhà trường về việc xuất hiện tác phẩm phái sinh này và phải nhận được sự đồng ý của Nhà trường bằng văn bản trước khi công bố và khẳng định quyền sở hữu của họ đối với tác phẩm phái sinh đó.

c) Đối với các bài báo khoa học, công trình công bố kết quả nghiên cứu do CBVC sử dụng thời gian làm việc tại trường và phương tiện vật chất của trường để tạo nên thì các tác phẩm này thuộc quyền sở hữu của CBVC tương ứng. Các công bố phải ghi rõ địa chỉ công tác tại Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên.

#### **Điều 10. Quyền sở hữu trí tuệ của người học**

1. Các TSTT phát sinh trong quá trình học tập, nghiên cứu của người học được thể hiện qua các bài tập, đồ án môn học, luận văn tốt nghiệp, sáng chế... thuộc về người học; trừ các trường hợp do Nhà trường hoặc giảng viên đầu tư kinh phí để thực hiện ý tưởng nghiên cứu.

2. Trong trường hợp các TSTT của quá trình học tập, nghiên cứu được tạo ra chủ yếu thông qua việc sử dụng các nguồn lực hoặc có sự đầu tư của Trường Đại học Nông Lâm về kinh phí, hoặc có sự đầu tư hay hỗ trợ đáng kể của giảng viên, thì Trường Đại học Nông Lâm, giảng viên và người học liên quan sẽ cùng xác định quyền sở hữu đối với TSTT phát sinh bằng văn bản. Trường hợp do các doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu của người học và có các hợp đồng hay thỏa thuận trong khuôn khổ pháp luật, thực hiện theo hợp đồng cụ thể khi có chứng thực của người đại diện pháp luật.

#### **Điều 11. Các quy định về tác giả và đồng tác giả**

1. Một cá nhân được ghi nhận là tác giả hoặc đồng tác giả của một TSTT nếu có tham gia vào việc sáng tạo ra TSTT tương ứng. Cá nhân được xem là “có tham gia vào việc sáng tạo” khi phần việc do người đó thực hiện không nảy sinh một cách hiển nhiên hoặc dễ dàng đối với các thành viên tham gia thực hiện đề tài, dự án, công trình, khâu công việc mà từ đó TSTT liên quan được tạo ra.

2. Các tác giả hoặc đồng tác giả của TSTT được hưởng các quyền nhân thân theo quy định tương ứng của Luật SHTT, pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan; trừ khi có quy định phải chuyển giao một quyền nhân thân nào đó cho các chủ thể khác theo các quy định tại Quy chế này hoặc theo hợp đồng liên quan mà họ đã giao

kết, trong phạm vi pháp luật cho phép.

3. Trong trường hợp tài sản trí tuệ được tạo ra bởi nhiều đồng tác giả, danh sách tên các đồng tác giả và tỷ lệ đóng góp của từng tác giả sẽ do nhóm tác giả tự thỏa thuận.

4. Các tác giả và đồng tác giả được hưởng quyền tài sản theo quy định tại Điều 17 của Quy chế này, hoặc theo quy định về thi đua khen thưởng của Trường Đại học Nông Lâm hay chủ thể có liên quan, hoặc theo các quy định trong hợp đồng có liên quan họ đã ký kết.

### **Chương III**

## **KHAI THÁC, BẢO MẬT VÀ PHÂN BỐ LỢI ÍCH TỪ TÀI SẢN TRÍ TUỆ**

### **Điều 12. Bộ phận tổ chức khai thác tài sản trí tuệ**

Bộ phận Sở hữu trí tuệ thuộc Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế, Trường Đại học Nông Lâm thực hiện chức năng quản lý, tổ chức khai thác các TSTT của Nhà trường; cán bộ nghiên cứu, giảng viên có TSTT chịu trách nhiệm báo cáo, trao đổi trực tiếp với Bộ phận SHTT để thống nhất việc khai thác, chuyển giao, thương mại TSTT.

### **Điều 13. Các quy tắc bảo mật tài sản trí tuệ**

1. Khi có TSTT mới phát sinh được nhận diện, CBVC và người học liên quan tiến hành đánh dấu lên tài liệu bằng ký hiệu “THÔNG TIN KÍN” màu đỏ, đặt ở góc trên, bên phải của tài liệu. Tất cả các tài liệu này phải được lưu trong tập hồ sơ có đánh dấu “THÔNG TIN KÍN”;

2. Đối với các tài liệu đã được xử lý và xác nhận là thông tin mật của Trường Đại học Nông Lâm, Bộ phận SHTT sẽ đóng dấu “MẬT” màu đỏ, đặt ở góc trên, bên phải của tài liệu;

3. Những thông tin mật của Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên sẽ được đặt tại tủ hồ sơ của Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên hoặc lưu trữ trên trang mạng đặt tên là “CONFIDENTIAL\_tên tập tin”.

### **Điều 14. Các hình thức khai thác tài sản trí tuệ**

Việc khai thác TSTT bao gồm nhưng không giới hạn ở các hình thức:

- a) Công bố TSTT;
- b) Chuyển nhượng quyền TSTT cho chủ thể khác;
- c) Áp dụng, khai thác TSTT trong quy trình tác nghiệp, kinh doanh, sản xuất của Trường Đại học Nông Lâm;
- d) Sử dụng quyền SHTT để góp vốn, liên doanh, liên kết;
- đ) Cấp văn bằng cho các đối tượng có nhu cầu;
- e) Chuyển giao công nghệ;

g) Chuyển nhượng, cho, tặng.

**Điều 15. Quyền và nghĩa vụ về khai thác TSTT của CBVC và người học**

1. Có quyền tiếp cận, sử dụng các TSTT của Trường Đại học Nông Lâm khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
2. Có quyền được hưởng các lợi ích phù hợp từ việc khai thác TSTT của Trường Đại học Nông Lâm mà mình là tác giả hoặc đồng tác giả. Tùy theo từng trường hợp mà có thỏa thuận riêng với Nhà trường.
3. Trong trường hợp TSTT do CBVC hoặc người học tạo ra là một sáng chế thuộc quyền sở hữu, quản lý của Trường Đại học Nông Lâm, việc sử dụng và khai thác sáng chế phụ thuộc phải nhận được sự đồng ý bằng văn bản của Nhà trường;
4. CBVC hoặc người học được giữ quyền nhân thân đối với các tác phẩm, sáng chế của mình khi không còn công tác tại Trường Đại học Nông Lâm;
5. Đối với các bài báo khoa học được xác định thuộc quyền sở hữu của Trường Đại học Nông Lâm, các tác giả và đồng tác giả có thể chủ động đề xuất việc công bố trên các tạp chí nhưng phải nhận được sự chấp thuận bằng văn bản của Bộ phận Sở hữu trí tuệ và phải ghi rõ địa chỉ công tác là Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên trong tác phẩm của mình. Tuyệt đối không được tiết lộ, chuyển giao các TSTT của trường khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Nhà trường.
6. Sau khi chính thức nghỉ việc tại Trường Đại học Nông Lâm, CBVC và người học không còn được hưởng thù lao từ các TSTT do Nhà trường sở hữu hoặc đồng sở hữu; trong đó CBVC hoặc nhân viên thời vụ là tác giả/đồng tác giả trừ khi giữa Nhà trường với chủ thể liên quan hoặc pháp luật có quy định khác.

**Điều 16. Sự chuyển giao TSTT giữa Trường Đại học Nông Lâm và đơn vị trực thuộc với CBVC và người học**

1. Trong trường hợp Trường Đại học Nông Lâm thông báo không xác lập hoặc từ bỏ quyền sở hữu của Nhà trường đối với một TSTT; CBVC, người học có thể yêu cầu Nhà trường chuyển nhượng miễn phí lại TSTT đó cho mình.
2. Trường Đại học Nông Lâm có thể yêu cầu CBVC, người học chuyển nhượng TSTT cho đơn vị trực thuộc hoặc CBVC, người học khác với điều kiện thỏa thuận hợp lý.
3. Nhà trường và đơn vị trực thuộc đồng ý cho CBVC, người học sử dụng không độc quyền và vô thời hạn các TSTT vào mục đích nghiên cứu khoa học và đào tạo nhân lực tại Trường Đại học Nông Lâm.
4. Khoa, phòng và đơn vị trực thuộc hoặc CBVC, người học làm việc tại Trường Đại học Nông Lâm không chuyển giao các TSTT cho đối tác thứ ba nếu việc chuyển giao đó có thể ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà trường; trừ khi có sự thỏa thuận bằng văn bản với Nhà trường hoặc pháp luật liên quan có quy định khác.

**Điều 17. Hoạt động xúc tiến thương mại các TSTT của Bộ phận SHTT**

1. Bộ phận SHTT có trách nhiệm và được toàn quyền chủ động trong việc xúc



tiền thương mại các TSTT thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của Trường Đại học Nông Lâm.

2. Bộ phận SHTT tham mưu cho Hiệu trưởng hay trưởng các đơn vị trực thuộc ký kết các hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng văn bằng, hợp đồng góp vốn, hợp đồng liên doanh/liên kết bằng TSTT, hợp đồng hợp tác nghiên cứu để tạo lập TSTT mới.

### **Điều 18. Phân bổ thu nhập và lợi ích từ việc khai thác các TSTT**

1. Phân chia thu nhập từ những tài sản trí tuệ là sản phẩm của những đề tài, dự án sử dụng kinh phí của ngân sách nhà nước:

Sau khi đã trừ các chi phí khác (nếu có) như: đăng ký bản quyền, tìm kiếm đối tác ký kết hợp đồng chuyển giao, phân chia lợi nhuận cho cơ quan chủ quản cấp kinh phí (theo tỉ lệ đã thỏa thuận trong qui định hoặc hợp đồng ...), việc hưởng thu nhập và lợi ích từ việc khai thác các TSTT được tính như sau:

a) Lợi nhuận từ các hợp đồng chuyển giao công nghệ:

- Tác giả/đồng tác giả: Được hưởng 25% tổng giá trị.
- Trường Đại học Nông Lâm: Được hưởng 75% tổng giá trị.

b) Lợi nhuận từ việc thương mại hóa các TSTT, sản phẩm thuộc sở hữu của Trường Đại học Nông Lâm (trong 10 năm):

- Tác giả/đồng tác giả: Được hưởng 30% tổng giá trị.
- Trường Đại học Nông Lâm hoặc đơn vị có quyền sở hữu: Được hưởng 70% tổng giá trị.

c) Tỉ lệ phân chia lợi nhuận của nhóm tác giả tương ứng với tỉ lệ đóng góp của từng tác giả mà nhóm tác giả đã tự thỏa thuận bằng văn bản.

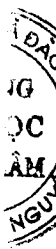
d) Đối với những trường hợp đạt được kết quả vượt mức, Bộ phận SHTT sẽ đề xuất Ban Giám hiệu có quyết định trả thù lao riêng và khen thưởng xứng đáng.

2. Đối với các TSTT tạo ra từ hợp tác nghiên cứu, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh có nhiều chủ sở hữu, thu nhập hoặc lợi nhuận phát sinh sẽ được phân chia dựa theo tỷ lệ sở hữu của mỗi đồng sở hữu, trừ khi giữa các bên có thỏa thuận khác.

3. Hằng năm, Trường Đại học Nông Lâm trích một phần lợi nhuận sau thuế từ thương mại hóa các TSTT để bảo đảm kinh phí cho kế hoạch hoạt động, quản trị TSTT của năm tiếp theo, bao gồm các nội dung:

- a) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật SHTT và kiến thức quản trị TSTT;
- b) Xây dựng các cơ sở dữ liệu quản trị TSTT và cơ sở dữ liệu thông tin TSTT;
- c) Đầu tư trang thiết bị phục vụ hoạt động SHTT;
- d) Triển khai các hoạt động khác theo nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ phận Sở hữu trí tuệ.

4. Các vấn đề khác liên quan đến việc khai thác và phân bổ lợi ích từ TSTT sẽ do Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm quyết định theo từng trường hợp cụ thể.



## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 19. Các điều khoản thi hành**

1. Bộ phận Sở hữu trí tuệ có trách nhiệm triển khai phương án, tập hợp và ghi nhận lại tất cả các TSTT thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của Trường Đại học Nông Lâm hình thành trước và sau ngày Quy chế có hiệu lực.

2. Các đơn vị, CBVC, người học của Trường Đại học Nông Lâm có trách nhiệm phát hiện, báo cho Bộ phận SHTT các TSTT phát sinh để ghi nhận, phân loại và xử lý theo quy định.

3. Mọi CBVC, người học của Trường Đại học Nông Lâm phải được biết về các quy định liên quan trong Quy chế này trước khi ký hợp đồng, thỏa thuận, hợp tác với Nhà trường.

4. Các tranh chấp về SHTT trong nội bộ được ưu tiên xử lý theo tinh thần thỏa thuận, hòa giải; nếu chưa giải quyết được sẽ áp dụng theo các trình tự, thủ tục pháp lý hiện hành có liên quan.

#### **Điều 20. Hiệu lực thi hành**

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành, thay thế các văn bản trước đây về khai thác thương mại tài sản trí tuệ tại Trường Đại học Nông Lâm. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc chưa phù hợp, Hiệu trưởng Nhà trường sẽ xem xét, sửa đổi, bổ sung kịp thời. / R

